

Bản án số: 350/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đặng Diệu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê
2. Bà Trịnh Thị Phương Châm

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Toà án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6519/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Cẩm N, sinh năm 1986.  
Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh L.
  2. Bị đơn: Ông Trần Tuấn H, sinh năm 1980.  
Địa chỉ: Số 61 đường K, phường Đ, Quận M, Thành phố H.
- Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Võ Thị Cẩm N trình bày:**

Bà Võ Thị Cẩm N và ông Trần Tuấn H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H vào ngày 31/3/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: A, quyển số 01. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Hai bên đã nhiều lần

nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, nhưng không thành. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tuấn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Hải Đ (Nam), sinh ngày 07/6/2004, hiện đang ở với ông H. Bà N có nguyện vọng giao con chung cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị Cẩm N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ chung: Bà Võ Thị Cẩm N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Tuấn H vắng mặt, tuy nhiên ông H có gửi bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Hi trình bày:*

Ông đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ông đang công tác tại Thành phố B, tỉnh Đ do dịch covid -19 nên không đến Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án ly hôn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm N ông có ý kiến sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Cẩm N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H ngày 31/3/2004. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên cãi nhau, do không hợp quan điểm sống. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Hải Đ (Nam), sinh ngày 07/6/2004, hiện đang ở với ông. Nên ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi trẻ Đ, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Bà Võ Thị Cẩm N vắng mặt, tuy nhiên trong đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Tuấn H, nguyện vọng giao con chung Trần Hải Đ cho ông H trực tiếp nuôi, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Tuấn H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng ý với những đề nghị của bà Võ Thị Cẩm N.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách

đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà Võ Thị Cẩm N yêu cầu ly hôn với ông Trần Tuấn H là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Ông H và bà N cùng có nguyện vọng giao con chung là trẻ Trần Hải Đ cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà N và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Quận M. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Cẩm N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Võ Thị Cẩm N và ông Trần Tuấn H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H vào ngày 31/3/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: A, quyển số 01 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc từ hai phía. Tuy nhiên, theo bà Võ Thị Cẩm N khai giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn trầm trọng về quan điểm sống không thể hòa giải được. Hai bên đã cố gắng hòa giải, nhưng vẫn không giải quyết được.

Phía ông H, do tình hình dịch bệnh Covid-19 ông không đến tòa án để giải quyết. Tuy nhiên, ông có bản tự khai trình bày: Ông và bà Võ Thị Cẩm N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H vào ngày 31/3/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: A, quyển số 01. Hai bên sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Mặc dù, được hai bên gia đình hoà giải,

nhưng mâu thuẫn vẫn nghiêm trọng. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Cẩm N thì ông đồng ý ly hôn.

Qua ý kiến trình bày của bà Võ Thị Cẩm N và ông H, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà Võ Thị Cẩm N và ông Trần Tuấn H không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Cẩm N theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Võ Thị Cẩm N có nguyện vọng giao con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 07/6/2004 cho ông Trần Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét, bản khai ông H trình bày, ông có nguyện vọng nuôi con chung là Trần Hải Đ là phù hợp với nguyện vọng của bà N, trẻ Đ. Do đó, để đảm bảo việc ổn định cuộc sống, học tập cho trẻ Đ, cần thiết giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nên yêu cầu của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 58; khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Tuấn H, không yêu cầu bà Võ Thị Cẩm N cấp dưỡng cho con, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Cẩm N và ông Trần Tuấn H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2, Điều 21; khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 97; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Bà Võ Thị Cẩm N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm N được ly hôn với ông Trần Tuấn H (Giấy chứng nhận kết hôn số A, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H cấp ngày 31/3/2004).

Về con chung: Giao trẻ Trần Hải Đ, sinh ngày 07/6/2004, giới tính: Nam cho ông Trần Tuấn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Trần Tuấn H không yêu cầu bà Võ Thị Cẩm N cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà Võ Thị Cẩm N và ông Trần Tuấn H khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2019/0030902, ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thị Cẩm N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Cẩm N, ông Trần Tuấn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND phường Đ, TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**Đặng Diệu Linh**